TOÀ ÁN NHÂN DÂN H. TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16-01-2018
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Ngọc Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Sửu

Ông Trần Anh Dũng

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Nam

Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Tân Yên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 253/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Kiều Thị H, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ : thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1967

Địa chỉ : thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

(đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nhận ngày 10/10/2017, bản tự khai và biên bản lấy lời khai cùng ngày 12/10/2017 thì nguyên đơn là bà Kiều Thị H trình bày:

Bà kết hôn với ông Nguyễn Văn S năm 1990, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc cho đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông S có quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình. Vợ chồng đã từng ly thân rồi tiếp tục về chung sống tuy nhiên vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Kể từ tháng 12/2016 đến nay, vợ chồng bà đã làm kinh tế riêng, không còn quan tâm, không có trách nhiệm với nhau nên bà xin được ly hôn với ông S.

Về con chung: vợ chồng bà có 02 con chung nhưng các con chung đều đã thành niên nên bà không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: bà cũng không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại phiên toà: bà H giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông S.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/10/2017 thì bị đơn là ông Nguyễn Văn S trình bày:

Ông đăng ký kết hôn với bà Kiều Thị H tại UBND xã L vào năm 1990. Sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng thuận hòa, hạnh phúc. Đến khoảng cuối năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống và làm ăn kinh tế gia đình nên hay xảy ra cãi vã với nhau. Tuy bà H không còn tình cảm với ông nhưng vì muốn các con chung có đầy đủ cả hai bố mẹ nên ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.

Về con chung, tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: ông cũng không yêu cầu xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa: ông S vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ghi ngày 02/01/2018.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đảm bảo theo quy định.

Về nội dung: đề nghị xử cho bà H ly hôn với ông S và buộc bà H phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến đề nghị của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: ngày 12 tháng 10 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của bà Kiều Thị H với bị đơn là ông Nguyễn Văn S là theo đúng thẩm quyền giải quyết quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về việc xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn S:

Bị đơn là ông Nguyễn Văn S đã được nhận các Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2017/QĐST- HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2017 và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông S là phù với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà Kiều Thị H và ông Nguyễn Văn S tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07/1990 ngày 03 tháng 02 năm 1990 tại Ủy ban nhân dân xã L nên hôn nhân giữa bà H và ông S là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định của pháp luật. Tháng 12/2016, do vợ chồng mâu thuẫn nên đã sống ly thân, tuy ở cùng nhà nhưng làm ăn kinh tế, sinh hoạt riêng, không quan tâm tới nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà H xin ly hôn với ông S.

Tuy ông S không đồng ý ly hôn với bà H nhưng ông cũng xác nhận bà H không còn tình cảm với ông. Qua xác minh thu thập chứng cứ đối với anh Nguyễn Văn T là con trai của vợ chồng bà H và tổ chức đoàn thể tại địa phương nơi vợ chồng bà H sinh sống thì thấy bà H và ông S đã sống ly thân từ tháng 12/2016 đến nay, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống được với nhau nên cần chấp nhận yêu cầu của bà H để xử cho bà H được ly hôn với ông S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

[4] Về con chung, tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản và ruộng canh tác: do cả bà H và ông S đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: bà H phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng và ý kiến về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Kiều Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

2. Về án phí: bà Kiều Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số AA/2016/0003866 ngày 12 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

Bà H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- UBND xã Liên Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Lý